

BÁO CÁO

**Công khai thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán NSNN
trên địa bàn phường 6 tháng đầu năm 2021**

Thực Quyết định số 9902/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND thị xã Hoài Nhon về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2021 và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 của UBND phường Hoài Hảo về việc giao dự toán ngân sách phường Hoài Hảo năm 2021, UBND phường báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2021 theo chi tiết tại Phụ lục 1,2,3 đính kèm.

I/ Về thu ngân sách nhà nước của phường

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phường 6 tháng đầu năm 2021 là 6.446 triệu đồng, đạt 49,17% dự toán phường giao và bằng 54,8% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu phí lệ phí tại phường được 29,861 triệu đồng đạt 50% và bằng 98,9% so với cùng kỳ năm trước;
- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác 176 triệu đạt 88% so với dự toán đầu năm và bằng 99,5% so với cùng kỳ năm trước;
- Thu lệ phí môn bài: 91,6 triệu đồng, đạt 90% dự toán và bằng 92% số thu cùng kỳ năm trước;
- Thu lệ phí trước bạ: 114,868 triệu đồng, đạt 107% dự toán và bằng 109,7% số thu cùng kỳ năm trước;
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 30,730 triệu đồng đạt 99% so với dự toán.
- Thu khác ngân sách 665,288 triệu đồng đạt 42%;
- Thu thuế GTGT và TNDN: 182,453 triệu đồng, đạt 21% dự toán và bằng 86,3% số thu cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, công tác thu thuế và các khoản đóng góp của nhân dân đã được các Đảng, HĐND, Mặt trận, các ngành và hội đoàn thể quan tâm, triển khai thực hiện các giải pháp đồng bộ để đẩy nhanh tiến độ thu NSNN ngay từ đầu năm, do vậy, trong 6 tháng đầu năm 2021 một số chỉ tiêu thu đạt và vượt so với dự toán phường giao.

Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid 19 xảy ra từ đầu năm đã làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh nên vẫn còn một số khoản thu chưa đạt so với dự toán. Chưa chủ động khai thác các nguồn thu mới để bù đắp các khoản thu bị thiếu hụt.

Trong 6 tháng đầu năm chưa triển khai chưa tổ chức đấu giá đất ở trên địa bàn phường nên chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất chưa thu được.

Công tác phối hợp với các ngành đoàn thể, ban nhân dân các khu phố và Đội thuế trên địa bàn phường trong nhiệm vụ thu ngân sách còn hạn chế, chưa thường xuyên liên tục.

II/ Về chi ngân sách phường

Ước thực hiện chi ngân sách phường 6 tháng đầu năm 2021 là: 4.173 triệu đồng, đạt 32% dự toán năm và bằng 43% so với số chi cùng kỳ năm trước.

1. Về chi đầu tư phát triển

Ước chi đầu tư phát triển 1,817 triệu đồng đạt 23% so với dự toán giao và bằng 26% so với cùng kỳ năm trước. Chi đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm thấp là do nguồn thu đấu giá đất chưa thu được, phường chưa thực hiện đấu giá đất ở.

2. Về chi thường xuyên

Chi thường xuyên 2.355 triệu đồng đạt 46 % so với dự toán và bằng 71,3% so với cùng kỳ năm trước giảm 28,7%.

Mặc dù, kết quả thu, chi ngân 6 tháng năm 2021 chưa đảm bảo tiến độ; tuy nhiên, về cơ bản chi ngân sách 6 tháng đầu năm vẫn được điều hành hợp lý trong điều kiện chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, bám sát dự toán đầu năm nhất là chi thường xuyên; giải quyết kịp thời kinh phí Chương trình mục tiêu, phòng chống dịch bệnh ở người và gia súc. Xử lý kịp thời những bức xúc về nhu cầu vốn đầu tư phục vụ công tác GPMB để triển khai xây dựng các dự án. Thực hiện tốt cơ chế tự chủ về biên chế và kinh phí, phát huy tính chủ động của các đơn vị dự toán trong việc quản lý, sử dụng kinh phí, nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Trên đây là thuyết minh công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn phường trong 6 tháng đầu năm 2021, UBND phường Hoài Hảo báo cáo công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Anh Trinh

**PHỤ LỤC 1: CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)**

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	13.110.000.000	6.446.596.107	49,17
1.	Các khoản thu 100%	1.861.000.000	916.677.500	49,26
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	8.091.000.000	442.325.795	5,47
3.	Thu chuyển nguồn		3.382.317.812	
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.158.000.000	1.705.275.000	54
	- Bổ sung cân đối ngân sách	2.224.000.000	1.122.000.000	50,45
	- Bổ sung có mục tiêu	934.000.000	583.275.000	62,45
II.	Tổng số chi	13.110.000.000	4.248.921.342	32,41
1.	Chi đầu tư phát triển	7.974.000.000	1.817.859.000	22,8
2.	Chi thường xuyên	4.879.000.000	2.431.062.342	49,83
3.	Dự phòng	257.000.000		



PHỤ LỤC 2: ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	13.110.000.000	13.110.000.000	8.285.049.122	6.446.596.107	63	49
I. Các khoản thu 100%	1.861.000.000	1.861.000.000	914.677.500	916.677.500	49	49
- Phí, lệ phí	60.000.000	60.000.000	29.861.000	29.861.000	50	50
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	200.000.000	200.000.000	174.442.000	176.442.000	87	88
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			40.986.000	40.986.000		
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định			4.100.000	4.100.000		
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	1.601.000.000	1.601.000.000	665.288.500	665.288.500	42	42
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	8.091.000.000	8.091.000.000	2.282.778.810	442.325.795	28	5
1. Các khoản thu phân chia	240.000.000	240.000.000	237.198.596	237.198.596	99	99
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	31.000.000	31.000.000	30.730.064	30.730.064	99	99
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	102.000.000	102.000.000	91.600.000	91.600.000	90	90
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	107.000.000	107.000.000	114.868.532	114.868.532	107	107
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	851.000.000	851.000.000	2.045.580.214	205.127.199	240	24
- Thuế giá trị gia tăng	851.000.000	851.000.000	1.821.693.041	182.453.900	214	21
- Thuế TNDN			223.887.173	22.673.299		
- Thuế thu nhập cá nhân						
3. Tiền sử dụng đất	7.000.000.000	7.000.000.000				
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn			3.382.317.812	3.382.317.812		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.158.000.000	3.158.000.000	1.705.275.000	1.705.275.000	54	54
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
- Bổ sung cân đối ngân sách	2.224.000.000	2.224.000.000	1.122.000.000	1.122.000.000	50	50
- Bổ sung có mục tiêu	934.000.000	934.000.000	583.275.000	583.275.000	62	62

PHỤ LỤC 3: ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2021

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	13.110.000.000	7.974.000.000	5.136.000.000	4.173.648.342	1.817.859.000	2.355.789.342	32	23	46
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	599.815.000		599.815.000	242.602.800		242.602.800	40		40
- Chi dân quân tự vệ	473.047.000		473.047.000	186.932.800		186.932.800	40		40
- Chi trật tự an toàn xã hội	126.768.000		126.768.000	55.670.000		55.670.000	44		44
2. Chi giáo dục	428.258.000	374.258.000	54.000.000	12.149.000		12.149.000	3		22
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	248.878.000	109.878.000	139.000.000	24.590.000		24.590.000	10		18
6. Chi phát thanh, truyền hình	80.164.000		80.164.000	4.670.000		4.670.000	6		6
7. Chi thể dục, thể thao	36.000.000		36.000.000	11.560.000		11.560.000	32		32
8. Chi bảo vệ môi trường	108.795.000	73.795.000	35.000.000	1.500.000		1.500.000	1		4
9. Chi các hoạt động kinh tế	6.978.052.000	6.674.052.000	304.000.000	1.598.412.000	1.504.853.000	93.559.000	23	23	31
- Giao thông	3.958.781.000	3.923.781.000	35.000.000	1.004.853.000	1.004.853.000		25	26	
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	1.433.411.000	1.164.411.000	269.000.000	93.559.000		93.559.000	7		35
- Thị chính	521.906.000	521.906.000							
- Thương mại, du lịch	1.063.954.000	1.063.954.000		500.000.000	500.000.000		47	47	
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.206.634.000	742.017.000	3.464.617.000	1.789.220.542		1.789.220.542	43		52
Trong đó: Quỹ lương	1.394.881.000		1.394.881.000	668.153.249		668.153.249	48		48
10.1. Quản lý Nhà nước	2.827.498.000	742.017.000	2.085.481.000	942.028.476		942.028.476	33		45

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)	
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT
10.2. Hội đồng nhân dân	171.820.000		171.820.000	169.321.950		169.321.950	99	
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	457.797.000		457.797.000	245.223.050		245.223.050	54	
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	214.198.000		214.198.000	112.076.562		112.076.562	52	
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	131.839.000		131.839.000	57.652.818		57.652.818	44	
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	136.454.000		136.454.000	59.258.970		59.258.970	43	
10.7. Hội Cựu chiến binh	115.053.000		115.053.000	48.690.968		48.690.968	42	
10.8. Hội Nông dân	151.975.000		151.975.000	68.471.748		68.471.748	45	
10.9. Hội Chữ Thập đỏ								
10.10. Hội Người cao tuổi				43.000.000		43.000.000		
10.11. Hội khuyến học								
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)				43.496.000		43.496.000		
11. Chi cho công tác xã hội	118.904.000		118.904.000	28.372.000		28.372.000	24	
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	45.504.000		45.504.000	22.752.000		22.752.000	50	
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa								
- Trợ cấp xã hội								
- Khác	73.400.000		73.400.000	5.620.000		5.620.000	8	
12. Chi khác	47.500.000		47.500.000	101.220.000		101.220.000	213	
III. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm								
IV. Chi nộp ngân sách cấp trên				315.856.000	313.006.000	2.850.000		
V. Dự phòng	257.000.000		257.000.000	43.496.000		43.496.000	17	